***Ngày soạn:15/8/2023***

***Ngày dạy:***

**TIẾT 56 – BÀI 25: PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT MỘT ẨN (TIẾT 2)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Biết giải một số phương trình đưa được về dạng 

- Vận dụng vào giải bài toán thực tế.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Năng lực giao tiếp toán học: HS phát biểu, nhận biết được cách biến đổi và kỹ năng biến đổi các phương trình thông qua việc áp dụng quy tắc chuyển vế, quy tắc nhân.

- Rèn luyện năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hóa toán học và giải quyết vấn đề toán học thông qua các bài toán giải phương trình.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, máy chiếu vật thể.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: MỞ ĐẦU** (8 phút)

*a) Mục tiêu:* Ôn tập, nhắc lại khái niệm phương trình bậc nhất một ẩn cho HS. Gợi động cơ tìm hiểu phương trình đưa được về dạng 

*b) Tổ chức thực hiện:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động giáo viên**  | **Hoạt động học sinh** | **Sản phẩm** |
| ***\* Giao nhiệm vụ***- Yêu cầu HS hoạt động cá nhân đưa ra câu trả lời câu hỏi 1 và câu hỏi 2.***\*Thực hiện nhiệm vụ***- GV chiếu đề bài câu hỏi 1. Yêu cầu 1 HS đứng tại chỗ trả lời.- GV chiếu câu trả lời lên màn chiếu đưa ra đáp án đúng.- GV chiếu câu hỏi 2. Yêu cầu HS suy nghĩ và đưa ra câu trả lời. Giải thích tại sao em lại cho là bạn Nam đã giải sai và sai ở đâu?- GV yêu cầu HS đưa ra lời giải đúng.- Để giải phương trình bậc nhất một ẩn trên, em đã sử dụng các quy tắc nào?- GV chiếu hai quy tắc: quy tắc chuyển vế, quy tắc nhân với một số- GV nhận xét, cho điểm.***\* Kết luận, nhận định:*** - Ở bài học trước chúng ta đã sử dụng hai quy tắc trên để giải phương trình bậc nhất một ẩn. Với hai quy tắc này ta còn có thể đưa một số phương trình ẩn  về phương trình có dạng  và từ đó có thể giải được chúng. Bài hôm nay chúng ta sẽ nghiên cứu kĩ những nội dung này. | - HS nhận nhiệm vụ.- HS theo dõi đề bài và đứng tại chỗ trả lời.- HS theo dõi và nhận xét.- HS theo dõi.- HS suy nghĩ và trả lời:Bạn Nam đã giải sai phương trình trên.- HS đưa ra câu TL đúng- Sử dụng quy tắc chuyển vế và quy tắc nhân với một số- HS lắng nghe, quan sát.- HS nghe giảng.- HS quan sát trên máy chiếu | **Câu 1.** SGAN23-24-GV134Trong các phương trình sau, phương trình nào là phương trình bậc nhất một ẩn?a) .b) c) d) **Câu 2:** Khi giải phương trình bậc nhất một ẩn bạn Nam đã làm như sau: Vậy phương trình có nghiệm Theo em, bạn Nam giải phương trình trên đã đúng hay chưa?  |

**2. Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** (13 phút)

*a) Mục tiêu*: Học sinh tìm hiểu các bước để biến đổi một số phương trình ẩn  về phương trình có dạng 

*b) Tổ chức thực hiện:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động giáo viên** | **Hoạt động học sinh** | **Sản phẩm** |
| ***\* Giao nhiệm vụ 1***- Yêu cầu HS làm ví dụ 3***\* Thực hiện nhiệm vụ 1***- GV: Trong bài này ta chỉ xét các phương trình ẩn  và hai vế của chúng là hai biểu thức hữu tỉ của ẩn, không chứa ẩn ở mẫu và có thể đưa được về dạng .- GV: chiếu ví dụ 3 Ví dụ 1: Giải phương trình - GV yêu cầu học sinh nghiên cứu VD 3 (SGK – T31), từ đó nêu các bước giải, vận dụng làm VD3 trên bảng.- GV trình bày lời giải VD1 theo như HS trả lời.***\* Báo cáo kết quả*** - HS đứng tại chỗ trả lời.***\* Đánh giá kết quả*** - GV nhận xét, chốt lại cách giải trên màn chiếu. | - HS nhận nhiệm vụ.- HS nghe giảng.- HS theo dõi.- HS nghiên cứu VD3 sgk và nêu các bước làm VD3 trên bảng- HS chữa bài vào vở.- HS báo cáo.- HS theo dõi, chữa bài. | **Ví dụ 3:** Giải phương trình **Giải***Thực hiện phép tính để bỏ dấu ngoặc* C*huyển các hạng tử chứa  sang vế trái, các hạng tử không chứa sang vế phải.* *Thu gọn và giải phương trình nhận được*Vậy nghiệm của phương trình là  |
| **\* Giao nhiệm vụ 2**- HS tìm hiểu ví dụ 4 (SGK): Giải phương trình **\* Thực hiện nhiệm vụ 2**- GV chiếu đề ví dụ 4.- GV gọi HS trả lời câu hỏi:+ Phương trình ở ví dụ 4 so với phương trình ở ví dụ 1 có gì khác?SGAN23-24-GV134+ Để giải phương trình này trước tiên ta phải làm gì?+ Xác định mẫu số chung?+ Làm thế nào để khử mẫu?SGAN23-24-GV134+ Gọi 1 HS lên bảng hoàn thiện ví dụ 4 sau khi GV đã hướng dẫn quy đồng và khử mẫu.**\* Báo cáo kết quả**- HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.- HS quy đồng theo hướng dẫn của GV- 1 HS lên bảng hoàn thiện ví dụ - HS nhận xét bài làm của bạn**\* Đánh giá kết quả 1**- GV chiếu máy các bước làm ví dụ 4. Nhận xét, đánh giá bài của HS và chốt lại các bước giải của phương trình có mẫu và mẫu không chứa ẩn:- *Bước 1: Quy đồng và khử mẫu hai vế* *- Bước 2: Thực hiện phép tính để bỏ dấu ngoặc,**- Bước 3: Chuyển các hạng tử chứa ẩn sang một vế, các hạng tử không chứa ẩn sang vế còn lại**- Bước 4: Thu gọn và giải phương trình vừa nhận được.*- GV tổng kết, so sánh các bước thực hiện của hai ví dụ và chốt các bước giải phương trình đưa được về dạng ax + b = 0 | - HS nhận nhiệm vụ.- HS theo dõi.- HS trả lời câu hỏi.- Phương trình có mẫu.- Quy đồng mẫu - MSC là 6- Nhân hai vế với một số khác 0, thường là nhân với MSC- Học sinh lên bảng làm bài- HS trả lời theo hướng dẫn của GV để tìm mẫu chung, quy đồng và khử mẫu- HS lên bảng làm.- HS nhận xét.- HS theo dõi, nghe giảng.- HS theo dõi. | **Ví dụ 4 (SGK):** Giải phương trình **Giải**Vậy nghiệm của phương trình là ***\* Các bước giải phương trình đưa được về dạng*** - *Bước 1: Quy đồng và khử mẫu hai vế (nếu cần)**- Bước 2: Thực hiện phép tính để bỏ dấu ngoặc,**- Bước 3: Chuyển các hạng tử chứa ẩn sang một vế, các hạng tử không chứa ẩn sang vế còn lại**- Bước 4: Thu gọn và giải phương trình vừa nhận được.* |

**3. Hoạt động 3: LUYỆN TẬP** (12 phút)

*a) Mục tiêu:* Học sinh biết cách vận dụng các quy tắc để đưa phương trình về dạng 

*b) Tổ chức thực hiện:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động giáo viên** | **Hoạt động học sinh** | **Sản phẩm** |
| **\* Giao nhiệm vụ 1**- HS hoạt động cá nhân làm luyện tập 3**\* Thực hiện nhiệm vụ 1**- GV chiếu đề luyện tập 3.- GV yêu cầu HS làm bài.- GV gọi 2 HS lên bảng làm.- GV yêu cầu HS trao đổi cặp đôi trong bàn và cử đại diện nhận xét bài của bạn trên bảng.- GV chọn 1 số bài sai để chữa trên máy chiếu vật thể.**\* Báo cáo kết quả**- Hs lên bảng làm bài.- HS nhận xét bài của bạn**\* Đánh giá kết quả**- GV nhận xét, chữa bài, chốt lại đáp án và cách giải. | - HS tìm hiểu bài tập được giao- HS theo dõi.- HS làm bài.- 2 HS lên bảng làm bài.- HS làm bài và trao đổi cặp đôi.- HS mang vở lên chấm.- HS báo cáo kết quả và đưa ra phân tích, cách làm khác (nếu có)- HS theo dõi, chữa bài. | ***Luyện tập 3:***a) Vậy phương trình có nghiệm b) Vậy phương trình có nghiệm |
| **\* Giao nhiệm vụ 2**- GV ghi đề ý c,d lên bảngc) d) - **\* Thực hiện nhiệm vụ 2**- GV lần lượi gọi HS làm ý c, d GV viết bảng theo câu trả lời của HS- GV lưu ý học sinh cách giải với các trường hợp đặc biệt.*\*Chú ý: Quá trình biến đổi phương trình về dạng có thể dẫn đến trường hợp đặc biệt là hệ số**TH1:  (**) thì phương trình vô nghiệm.**TH2: thì phương trình nghiệm đúng với mọi  hay phương trình vô số nghiệm.* | - HS theo dõi, suy nghĩ cách làm.- HS lên bảng làm bài.- HS theo dõi, chữa bài, ghi nhớ. | c)   (vô lý)Vậy phương trình vô nghiệmd)  (luôn đúng)Vậy phương trình có vô số nghiệm. |

 **4. Hoạt động 4: VẬN DỤNG** (10 phút)

*a) Mục tiêu:*Phát triển năng lực mô hình hoá bài toán thực tế và vận dụng các kiến thức về giải phương trình bậc nhất một ẩn để giải quyết các bài toán thực tiễn có liên quan.

*b) Tổ chức thực hiện:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động giáo viên** | **Hoạt động học sinh** | **Sản phẩm** |
| **\*Giao nhiệm vụ**- Hoạt động nhóm vận dụng 2 trên phiếu học tập.**\*Thực hiện nhiệm vụ**- GV chiếu đề và yêu cầu HS đọc đề, phân tích đề bài- GV phát phiếu học tập và yêu cầu HS hoạt động nhóm 4 người.- GV thu bài và chấm bài của 1 nhóm trên máy chiếu vật thể, các nhóm còn lại tráo đổi bài cho nhau và so sánh với bài GV chấm, chữa trên bảng.**\*Báo cáo kết quả**- HS nhận xét bài làm của nhóm khác và chấm bài**\* Đánh giá kết quả**- GV phân tích, chữa bài và cho điểm nhóm làm bài tập tốt nhất.Học sinh nhắc lại kiến thức đã học trong bài 25:+PT 1 ẩn, nghiệm của PT+ PT bậc nhất một ẩn và cách giải+Cách giải 1 số phương trình đưa được về dạng .GV gợi mở sang bài sau: Vận dụng kiến thức bài 25, sang tiết sau ta có thể giải 1 số bài toán thực tế bằng cách lập phương trình  | - HS nhận nhiệm vụ.- HS theo dõi đề và hoạt động nhóm.- HS hoạt động nhóm hoàn thiện bài vào phiếu học tập.- HS các nhóm đổi bài cho nhau và chấm chéo- - HS theo dõi, chữa bài. | **Vận dụng 2:**a) Biết  (nghìn đồng) là giá tiền của mỗi quyển vở.- Số tiền phải trả của Lan khi mua 5 quyển vở và 1 quyển sách là: - Số tiền phải trả của Hương khi mua 3 quyển vở và 1 quyển sách là: - Phương trình biểu thị tổng số tiền mua sách và vở của hai bạn là:b) Vậy giá tiền mỗi quyển vở là  |

**⏩ Hướng dẫn về nhà** (2 phút)

- Ghi nhớ và xem lại cách giải phương trình đưa về dạng 

- Làm các bài tập 7.3, 7.4, 7.5, 7.6 SGK Tr 32

- Suy nghĩ và giải phương trình sau theo 2 cách: 

- Chuẩn bị bài mới: Đọc trước bài 26: “Giải bài toán bằng cách lập phương trình”

**PHIẾU HỌC TẬP**

**Vận dụng 2(SGK-32)**

a) Biết  (nghìn đồng) là giá tiền của mỗi quyển vở.

Số tiền phải trả của Lan khi mua 5 quyển vở và 1 quyển sách là:

……………………………………………………………………………………………………

Số tiền phải trả của Hương khi mua 3 quyển vở và 1 quyển sách là:

……………………………………………………………………………………………………

Phương trình biểu thị tổng số tiền mua sách và vở của hai bạn là:

……………………………………………………………………………………………………

b) Giải phương trình nhận được ở câu a:

……………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………

Vậy giá tiền của mỗi quyển vở là: ……………………………………………………………….